

Số: /BC-THTT-TT

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ
NĂM 2024

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ:

- Căn cứ Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng năm 2024;

- Căn cứ Thông báo số 17/TB-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc thông báo số người làm việc, hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Hội chữ thập đỏ huyện năm 2024; Thông báo số 113/TB-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc bổ sung số người làm việc điều chỉnh lao động hợp đồng hưởng lương ngân sách nhà nước trong các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở năm 2024;

- Trường Tiểu học Toàn Thắng- Tiên Thắng trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng quản lý, có Chi bộ Đảng độc lập, có tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Trường Tiểu học Toàn Thắng- Tiên Thắng có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và có tài khoản đăng ký tại Kho bạc nhà nước huyện Tiên Lãng.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy của nhà trường bao gồm:

- Ban Giám hiệu: 03 người (01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng).
- Tổ chuyên môn: 5 tổ (Tổ 1;2;3;4;5).
- Tổ hành chính: 01

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 50 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 50 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 02 người. Nhưng thực tế hiện có 41 viên chức; HĐ 6 người;

- Sau điều chỉnh theo Thông báo số 113 ngày 24/4/2024 là 50 người

Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm hiện có: 47 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 47 người; BGH 03 người; giáo viên, nhân viên 44

người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP 02 người (là bảo vệ không nằm trong chỉ tiêu được giao) .

Nguyên nhân tăng, giảm viên chức: do UBND huyện Tiên Lãng tuyển dụng, điều động luân chuyển viên chức.

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Trường Tiểu học Toàn Thắng- Tiên Thắng đã thực hiện nhiệm vụ tốt các nhiệm vụ giao trong năm, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách chế độ và các quy định về tài chính.

- Năm 2024, Trường Tiểu học Toàn Thắng- Tiên Thắng đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ chi không thường xuyên phục vụ cho công tác xây dựng trường như nâng cấp cải tạo, sửa chữa các phòng học, mua sắm trang thiết bị, CSVC nhỏ cho các phòng học và các phòng chức năng

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị tự chủ tài chính do Ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên(đơn vị nhóm 4) theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu:

+ Dự toán thu: 11.787.266.485 đồng

+ Số thực hiện: 11.787.266.485 đồng.

- Chi thường xuyên:

+ Dự toán chi: 11.518.061.485 đồng

+ Số thực hiện: 11.518.061.485 đồng

b) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): 269.205.000 đồng.

4. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí tiết kiệm

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024, Trường chi và phân phối, sử dụng số kinh phí như sau:

+ Đơn vị đã rút từ đầu năm đến nay: 269.205.000 đồng,

Trong đó :

- Chi khen thưởng đột xuất, khen thưởng khác : 39.425.000 đồng

- Chi phúc lợi: 229.780.000 đồng

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên

- Nguồn thu:

+ Dự toán thu: 672.905.847 đồng

- + Số thực hiện: 672.905.847 đồng.
- Chi không thường xuyên:
- + Dự toán chi: 672.905.847 đồng
- + Số thực hiện: 672.905.847 đồng
- Chênh lệch thu, chi không thường xuyên (theo số thực hiện): không đồng.

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân

Trường Tiểu học Toàn Thắng- Tiên Thắng là trường Tiểu học Hạng I, gồm 2 điểm trường, tổ chức bán trú cho các lớp 35%. Tuy nhiên, chỉ tiêu biên chế giao là 50 người nhưng hiện tại trường mới có 47 người còn thiếu 03 người. Số nhân viên có 02 người nên còn thiếu so với đề án vị trí việc làm của trường hạng I.

7. Đề xuất, kiến nghị

Mong các cấp lãnh đạo quan tâm, tạo điều kiện tuyển đủ giáo viên, nhân viên theo chỉ tiêu được giao.

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

Tân Minh ngày 17 tháng 01 năm 2025
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Phụng Vĩ

TRƯỜNG TIỂU HỌC
TOÀN THẮNG- TIỀN THẮNG

Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 6

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM 2024

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	52	47	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	50	47	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	2	0	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Đồng			
III	Nguồn tài chính	Đồng	11.787.266.485	11.787.266.485	
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên	Đồng	11.787.266.485	11.787.266.485	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc				

	giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	Đồng	11.787.266.485	11.787.266.485	
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự				

	ng nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	Chi thường xuyên	Đồng	11.518.061.485	11.518.061.485	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Đồng	10 984 562 981	10 984 562 981	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Đồng	234.888.054	234.888.054	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí		94.900.000	94.900.000	
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Đồng	203 710 450	203 710 450	
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Đồng			
10	Chi từ nguồn NSNN				

	giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)	Đồng	269.205.000	269.205.000	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		0	0	
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)		0	0	
	(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)	Đồng			
	Chi khen thưởng	đồng	39.425.000	39.425.000	
	+ Đã tạm chi trong năm	đồng	39.425.000	39.425.000	
	Chi phúc lợi	Đồng	229.780.000	229.780.000	

	+ Đã tạm chi trong năm	Đồng	229.780.000	229.780.000	
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	đồng/tháng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần	0	0	
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất	đồng/tháng	0	0	
	Người có thu nhập ứng thêm thấp nhất	đồng/tháng	0	0	
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>	Đồng	672.905.847	672.905.847	
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu	Đồng			
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)	Đồng	672.905.847	672.905.847	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên		0	0	
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật		0	0	
d	Nguồn khác		0	0	
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Đồng	672.905.847	672.905.847	
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự I nêu trên)				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng	0	0	
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				

	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Phượng Vĩ

